

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 55

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Căng Hải Phòng (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hồng Minh	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Tường Anh	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên HĐQT
Bà Trịnh Thị Ngọc Biển	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Lê Đông	Thành viên HĐQT
Ông Đỗ Vũ Linh	Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Lý Quang Thái	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Vũ Đức Biên	Thành viên HĐQT độc lập
Bà Lê Thị Ngọc Dung	Thành viên HĐQT độc lập (Bổ nhiệm ngày 29/4/2025)

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thanh Hải	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên
Ông Đồng Xuân Khanh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/4/2025)
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/4/2025)

Ban Kiểm toán nội bộ

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Trưởng Ban phụ trách
Ông Phan Anh Tuấn	Phó Trưởng Ban
Ông Vũ Văn Hợi	Thành viên
Ông Lương Anh Hoàng	Thành viên (Thôi từ ngày 01/10/2025)
Bà Vũ Thị Lan Anh	Thành viên
Bà Hoàng Thị Hà	Thành viên (Từ ngày 01/07/2025)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Tường Anh	Tổng Giám đốc
Ông Hà Vũ Hào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là bà Đào Thị Thu Hà.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024, Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025. Công ty tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Tường Anh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Số: 104/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 24 tháng 02 năm 2026, từ trang 06 đến trang 55 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

1. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 36.1 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đang ghi nhận tại chỉ tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (mã số 221) trên Bảng cân đối kế toán riêng đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container cảng Chùa Vẽ với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng, giá trị còn lại là 133,81 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ.

Ngày 4/4/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 84/2025/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải. Theo đó, Bộ Xây dựng đã ban hành Văn bản số 12000/BXD-KHTC ngày 21/10/2025 đề nghị Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP (VIMC) nghiên cứu, rà soát các phương thức khai thác, xử lý tài sản cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ bảo đảm phù hợp với thực trạng tài sản, điều kiện quản lý, khai thác các cầu cảng và tuân thủ quy định pháp luật. Đồng thời, Bộ Xây dựng yêu cầu Ban Quản lý dự án cảng Hải Phòng nghiên cứu ý kiến của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại Văn bản số 3878/CHP-TCKT ngày 19/9/2025 về phân bổ chi phí cho gói thiết bị.

Theo đó, VIMC đã chỉ đạo Người đại diện phần vốn của VIMC tại Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng nghiên cứu, rà soát xây dựng phương án khai thác, xử lý tài sản cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ. Trên cơ sở ý kiến của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, đánh giá ưu, nhược điểm của từng phương án, VIMC đã có Văn bản số 1753/HHVN-TCKT ngày 06/11/2025 báo cáo Bộ Xây dựng và Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam về các phương án quản lý khai thác tài sản bến số 4, số 5 Cảng Chùa Vẽ.

Căn cứ nội dung buổi làm việc ngày 29/12/2025 giữa Bộ Xây dựng, VIMC và Cảng Hải Phòng, trên cơ sở đề xuất của Cảng Hải Phòng tại Văn bản số 5222/CHP-TCKT ngày 31/12/2025 về phương án xử lý tài sản bến số 4, bến số 5 Cảng Chùa Vẽ, VIMC đã có Văn bản số 16/HHVN-TCKT ngày 08/01/2026 trình Bộ Xây dựng và Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam cập nhật nội dung liên quan đến phương án xử lý các tài sản nêu trên.

Đến thời điểm lập báo cáo kiểm toán này, chưa có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước đối với hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng. Căn cứ theo Điều 55 Luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 về việc văn bản pháp luật không được quy định hiệu lực trở về trước, việc ghi nhận chính thức tài sản và chi phí của cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ sẽ được thực hiện vào thời điểm cơ quan quản lý nhà nước quyết định hình thức quản lý đối với các tài sản này.

2. Bên cạnh đó, như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Cơ quan Quản lý về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính riêng này.

Ý kiến Kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Bùi Minh Đức
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5586-2026-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.490.836.367.850	1.439.190.419.743
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	254.478.551.405	338.882.421.807
Tiền	111		90.878.551.405	48.882.421.807
Các khoản tương đương tiền	112		163.600.000.000	290.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		300.030.000.000	70.436.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	300.030.000.000	70.436.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		530.098.781.490	778.213.497.663
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	129.992.393.085	149.998.039.608
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	83.143.086.584	348.149.904.360
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	344.494.295.166	307.286.575.417
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(27.530.993.345)	(27.221.021.722)
Hàng tồn kho	140	10	77.297.875.505	92.338.403.581
Hàng tồn kho	141		77.297.875.505	92.338.403.581
Tài sản ngắn hạn khác	150		328.931.159.450	159.320.096.692
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	20.769.281.027	19.129.712.253
Thuế GTGT được khấu trừ	152		306.506.472.443	140.190.384.439
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	1.655.405.980	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.425.806.018.755	5.876.861.305.208
Tài sản cố định	220		1.228.968.741.704	1.591.265.868.337
Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.220.117.784.212	1.584.888.711.353
- Nguyên giá	222		4.121.195.463.465	4.992.818.338.094
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.901.077.679.253)	(3.407.929.626.741)
Tài sản cố định vô hình	227	14	8.850.957.492	6.377.156.984
- Nguyên giá	228		41.536.137.866	37.799.350.954
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.685.180.374)	(31.422.193.970)
Bất động sản đầu tư	230	15	2.581.950.157.136	-
- Nguyên giá	231		2.777.074.580.908	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(195.124.423.772)	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.199.724.382.560	3.159.225.541.207
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.199.724.382.560	3.159.225.541.207
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	2.360.950.493.819	1.061.211.063.096
Đầu tư vào công ty con	251		1.202.201.691.109	945.863.691.109
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên	252		1.172.441.234.553	131.206.037.464
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		2.181.131.012	2.181.131.012
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(15.873.562.855)	(18.039.796.489)
Tài sản dài hạn khác	260		54.212.243.536	65.158.832.568
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	38.379.126.140	50.125.382.879
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	33	15.833.117.396	15.033.449.689
TỔNG TÀI SẢN	270		8.916.642.386.605	7.316.051.724.951

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.758.910.793.088	1.870.246.892.061
Nợ ngắn hạn	310		1.041.837.340.868	1.388.931.418.118
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	330.679.560.102	834.922.544.499
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	3.186.142.398	14.247.375.611
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	208.169.572.317	58.981.033.756
Phải trả người lao động	314		127.775.298.580	97.802.583.524
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	237.605.148.059	225.263.830.200
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.730.857.220	5.353.167.082
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	84.644.984.345	107.464.502.225
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	24.562.190.653	23.523.799.299
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		22.483.587.194	21.372.581.922
Nợ dài hạn	330		1.717.073.452.220	481.315.473.943
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	1.717.073.452.220	481.315.473.943
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.157.731.593.517	5.445.804.832.890
Vốn chủ sở hữu	410	22	6.157.731.593.517	5.445.804.832.890
Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.819.342.644.034	1.520.310.342.937
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.068.788.949.483	655.894.489.953
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		89.159.188.856	13.467.439.606
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		979.629.760.627	642.427.050.347
TỔNG NGUỒN VỐN	440		8.916.642.386.605	7.316.051.724.951

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu



Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng



Đào Thị Thu Hà

Tổng Giám đốc




Nguyễn Tường Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	1.732.726.458.836	1.373.821.942.986
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.732.726.458.836	1.373.821.942.986
Giá vốn hàng bán	11	25	915.746.440.261	857.976.308.145
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		816.980.018.575	515.845.634.841
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	245.104.126.016	346.884.112.157
Chi phí tài chính	22	27	39.687.175.011	21.952.124.544
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		23.031.999.143	7.105.158.670
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	159.186.176.573	110.392.995.854
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		863.210.793.007	730.384.626.600
Thu nhập khác	31	29	337.504.017.456	9.156.837.205
Chi phí khác	32	30	27.479.627.604	1.463.756.734
Lợi nhuận khác	40		310.024.389.852	7.693.080.471
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.173.235.182.859	738.077.707.071
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	194.405.089.939	96.450.324.431
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	(799.667.707)	(799.667.707)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		979.629.760.627	642.427.050.347

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Đào Thị Thu Hà

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tường Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	1.173.235.182.859	738.077.707.071
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	196.171.430.055	155.100.246.754
Các khoản dự phòng	03	(1.856.262.011)	2.968.321.839
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4.093.640.698	(11.124.340.500)
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05	(535.022.997.892)	(316.399.067.139)
Chi phí lãi vay	06	23.031.999.143	7.105.158.670
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	859.652.992.852	575.728.026.695
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	78.779.762.074	(267.026.524.582)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	15.040.528.076	(14.763.513.624)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(499.547.770.058)	808.914.841.075
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	10.106.687.965	(15.336.975.247)
Tiền lãi vay đã trả	14	(14.499.372.550)	(1.574.349.916)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(51.450.342.431)	(102.805.672.517)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	113.940.000	41.220.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(70.480.733.560)	(48.926.910.322)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	327.715.692.368	934.250.141.562
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.497.980.128.577)	(1.609.277.267.922)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(300.000.000.000)	(377.581.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	70.406.000.000	1.073.243.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(99.730.963.731)	(35.534.800.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	354.344.566	61.450.306.146
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	228.734.734.541	365.611.666.006
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.598.216.013.201)	(522.088.095.770)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND	
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33	2.407.601.758.458	-	
Tiền trả nợ gốc vay	34	(25.531.565.060)	(24.388.079.717)	
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(196.130.818.000)	(130.768.401.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.185.939.375.398	(155.156.480.717)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(84.560.945.435)	257.005.565.075	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	338.882.421.807	80.830.437.874
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	157.075.033	1.046.418.858	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	254.478.551.405	338.882.421.807

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Đào Thị Thu Hà

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tường Anh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty được cổ phần hóa và hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Luật doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200236845 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng (nay là Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng) cấp ngày 01 tháng 7 năm 2014, thay đổi lần thứ 13 ngày 28 tháng 7 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại số 8A Trần Phú, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 31/12/2025 là 3.269.600.000.000 VND (bằng chữ: Ba nghìn hai trăm sáu mươi chín tỷ sáu trăm triệu đồng), tương đương 326.960.000 cổ phần mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại sàn giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) từ ngày 14 tháng 09 năm 2022 với mã chứng khoán PHP.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH CHÍNH

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khai thác cảng, dịch vụ kho bãi, logistics và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Bốc xếp, giao nhận, bảo quản hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi, văn phòng;
- Môi giới thuê tàu biển, dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, dịch vụ giao nhận, nâng hạ hàng hóa, dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Sửa chữa container và dịch vụ vệ sinh container;
- Lai dắt và hỗ trợ tàu biển.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 NHÂN VIÊN

Tại ngày 31/12/2025 Công ty có 739 nhân viên đang làm việc (số tại ngày 01/01/2025 là 1.410 nhân viên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng	51,00%	51,00%	Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; Kinh doanh kho bãi; Vận tải; Dịch vụ hàng hải và kinh doanh kho vận.
Công ty Cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	Lô 15, đường Lê Hồng Phong, phường Hải An, Thành phố Hải Phòng	60,28%	60,28%	Hỗ trợ tàu biển, bốc xếp, bảo quản giao nhận vận tải hàng hóa; Hoạt động lai dắt, trục vớt, cứu hộ và đại lý vận tải hàng hóa.
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	Số 03 đường Lê Thánh Tông, phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	100,00%	100,00%	Dịch vụ xếp dỡ giao nhận hàng hóa; Kinh doanh kho bãi; Trung chuyển và lưu trữ hàng hóa; Dịch vụ vận tải và các hoạt động hỗ trợ liên quan đến vận tải.
Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	Số 23, đường Lương Khánh Thiện, phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng	100,00%	100,00%	Khám chữa bệnh, khám sức khỏe và cấp giấy chứng nhận sức khỏe; cung cấp dịch vụ vệ sinh, y tế dự phòng.
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng	Số 05 Cù Chính Lan, phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng	90,00%	90,00%	Giáo dục nghề nghiệp các nghề giao nhận, vận hành các thiết bị xếp dỡ phục vụ khai thác cảng.

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng	Số 03 đường Lê Thánh Tông, phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	30,52%	30,52%	Hoạt động kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	13 đường Nguyễn Trãi, phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	27,61%	27,61%	Xây dựng công trình và vận tải đường bộ
Công ty Cổ Phần HPH Logistics	Khu Công Nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng	38,81%	38,81%	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết (tiếp):

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng (1)	Số 4 đường Hoàng Diệu, phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng	32,24%	32,24%	Vận tải hàng hóa đường bộ, đường biển, kho bãi, bốc xếp hàng hóa, đại lý tàu biển, vận tải biển
Công ty CP Vinalines Đông Bắc (2)	Số 1 đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh	25,00%	25,00%	Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn	Số 79 Đoàn Như Hải, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh	20,00%	20,00%	Kho bãi, lưu giữ và vận tải hàng hóa
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ (3)	Khu Công nghiệp Đình Vũ, phường Hải An, Thành phố Hải Phòng	24,99%	50,00%	Hoạt động lai dắt, dịch vụ kho bãi, bốc xếp hàng hóa
Công ty TNHH KM Cargo Services Hải Phòng	Lô đất KB2.3 và KB 3.3, Khu Công nghiệp MP Đình Vũ, phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng	36,00%	36,00%	Logistics và vận tải hàng hóa, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
Công ty TNHH Smart Logistics Service (Hải Phòng)	Lô CN2A Khu công nghiệp Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, Đặc khu Cát Hải, Thành phố Hải Phòng	28,75%	37,50%	Kho bãi, lưu giữ và vận tải hàng hóa
Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Hải Phòng	Khu phố Đôn Lương, Đặc khu Cát Hải, Thành phố Hải Phòng	51,00%	50,00%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy

(1) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2018.

(2) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2014 nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

(3) Công ty nắm giữ gián tiếp các khoản đầu tư này qua Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ - Công ty con.

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Cảng Tân Vũ - KCN Đình Vũ, phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng.	Bốc xếp, giao nhận, vận chuyển, sửa chữa container

(*) Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ - Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng đã chấm dứt hoạt động từ 15/07/2025 theo Nghị quyết số 116/NQ-CHP của Hội đồng quản trị ngày 01/07/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (đồng) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ đồng.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này:

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.3. NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng ký hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

3.4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Góp vốn liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào trình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
- Máy móc, thiết bị	05 - 20
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 20
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 13

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các phần mềm máy vi tính.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 08 năm.

3.10 GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Bất động sản đầu tư của Công ty được sử dụng để cho thuê và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 10 đến 40 năm..

3.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là dự án 02 bến container số 3, 4 cảng của ngõ Lạch Huyện và các công trình khác, bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 - 03 năm.

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Chi phí trả trước khác bao gồm Phí bảo hiểm được phân bổ theo hợp đồng bảo hiểm và chi phí sửa chữa tài sản, chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

3.13 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.14 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, Công ty đã đánh giá lại số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

3.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông và được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, danh sách cổ đông được chốt chính thức và được Ủy ban Chứng khoán chấp thuận.

3.17 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ dịch vụ bốc xếp, lưu kho bãi, lai dắt, hỗ trợ, kiểm đếm, giao nhận, cân hàng và dịch vụ khác.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

3.18 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.20 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, các giao dịch và số dư bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	183.141.500	47.380.500
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	90.695.409.905	48.835.041.307
- Các khoản tương đương tiền (*)	163.600.000.000	290.000.000.000
Cộng	254.478.551.405	338.882.421.807

(*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất 4,75%/năm.

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	20.769.281.027	19.129.712.253
- Phí bảo hiểm	3.398.832.829	1.603.723.954
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	7.779.792.245	7.111.609.208
- Chi phí sửa chữa, nạo vét	6.327.278.466	6.691.616.665
- Các khoản khác	3.263.377.487	3.722.762.426
b) Dài hạn	38.379.126.140	50.125.382.879
- Chi phí sửa chữa	25.988.534.061	37.602.845.936
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	11.711.258.747	12.245.670.298
- Các khoản khác	679.333.332	276.866.645
Cộng	59.148.407.167	69.255.095.132

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	300.030.000.000	300.030.000.000	70.436.000.000	70.436.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	300.030.000.000	300.030.000.000	70.436.000.000	70.436.000.000
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	300.030.000.000	300.030.000.000	70.436.000.000	70.436.000.000

(*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng có giá trị 300.030.000.000 đồng được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,5%/năm đến 7,6%/năm.

6.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	1.202.201.691.109	(1.422.211.971)	(*)	945.863.691.109	(1.675.876.855)	(*)
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	816.000.000.000	-	(*)	816.000.000.000	-	(*)
- Công ty CP Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	33.701.691.109	-	(*)	17.501.691.109	-	(*)
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	306.000.000.000	-	(*)	96.362.000.000	-	(*)
- Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng	15.000.000.000	(1.422.211.971)	(*)	15.000.000.000	(1.675.876.855)	(*)
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng	31.500.000.000	-	(*)	1.000.000.000	-	(*)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

6.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC (TIẾP)

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	<i>1.172.441.234.553</i>	<i>(13.950.219.872)</i>	<i>(*)</i>	<i>131.206.037.464</i>	<i>(16.222.788.622)</i>	<i>(*)</i>
- Công ty CP Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng (1)	6.300.000.000	(6.300.000.000)	(*)	6.300.000.000	(6.300.000.000)	(*)
- Công ty CP Logistics Cảng Sài	3.000.000.000	(571.954.779)	(*)	3.000.000.000	(219.434.089)	(*)
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	25.289.203.035	-	(*)	25.289.203.035	(4.145.683.028)	(*)
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng	31.440.000.000	-	(*)	31.440.000.000	-	(*)
- Công ty CP Vinalines Đông Bắc (2)	5.518.034.429	(5.518.034.429)	(*)	5.518.034.429	(5.518.034.429)	(*)
- Công ty Cổ phần HPH Logistics	11.596.000.000	-	(*)	11.596.000.000	-	(*)
- Công ty TNHH KM Cargo Services Hải Phòng	12.528.000.000	-	(*)	12.528.000.000	-	(*)
- Công ty TNHH Smart Logistics Service (Hải Phòng) (3)	86.676.000.000	(1.560.230.664)	(*)	35.534.800.000	(39.637.076)	(*)
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Hải Phòng (4)	990.093.997.089	-	(*)	-	-	-
<i>Đầu tư vào đơn vị khác</i>	<i>2.181.131.012</i>	<i>(501.131.012)</i>	<i>(*)</i>	<i>2.181.131.012</i>	<i>(141.131.012)</i>	<i>(*)</i>
- Công ty CP VIMC Logistics	2.181.131.012	(501.131.012)	(*)	2.181.131.012	(141.131.012)	(*)
Cộng	<u>2.376.824.056.674</u>	<u>(15.873.562.855)</u>		<u>1.079.250.859.585</u>	<u>(18.039.796.489)</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

6.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC (TIẾP)

- (1) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2018.
 - (2) Công ty đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2014 nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.
 - (3) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác liên doanh số 01/HĐHTKD với SITC (HK) Limited và Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Smart Logistics Service (Hải Phòng) chuyên kinh doanh kho bãi và các dịch vụ hậu cần tại huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng (nay là đặc khu Cát Hải, thành phố Hải Phòng) với tổng mức đầu tư 20.000.000 USD (Hai mươi triệu đô la Mỹ), trong đó Công ty góp 4.000.000 USD (Bốn triệu đô la Mỹ), tương ứng 20% vốn Điều lệ. Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đã thực hiện 03 lần góp vốn với tổng số tiền 3.400.000 USD (Ba triệu bốn trăm nghìn đô la Mỹ).
 - (4) Khoản đầu tư theo Thỏa thuận thành viên ngày 02/05/2024 giữa Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng và Công ty Global Terminal Limited Sarl về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Hải Phòng, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty là 51%, hai bên có quyền tương đương nhau trong việc quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Hải Phòng. Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đã thực hiện góp là 990.093.997.089 đồng, trong đó góp bằng tiền là 1.314.929.805 đồng.
- (*) Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	83.143.086.584	(278.291.766)	348.149.904.360	(103.603.500)
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>7.018.412.680</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng	7.000.000.000	-	-	-
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình hàng hải tại Hải Phòng	18.412.680	-	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>76.124.673.904</i>	<i>(278.291.766)</i>	<i>348.149.904.360</i>	<i>(103.603.500)</i>
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây lắp Bình Minh	47.121.457.607	-	7.215.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	11.703.000.000	-	99.860.088.449	-
- Công ty Cổ phần MIFU	-	-	32.187.500.000	-
- Các nhà cung cấp khác	17.300.216.297	(278.291.766)	208.887.315.911	(103.603.500)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	83.143.086.584	(278.291.766)	348.149.904.360	(103.603.500)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

8. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	129.992.393.085	(27.252.701.579)	149.998.039.608	(27.117.418.222)
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>27.284.957.790</i>	<i>(4.163.331.474)</i>	<i>20.522.102.136</i>	<i>(4.054.540.370)</i>
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	515.639.749	-	1.895.368.676	-
- Công ty CP Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	1.587.259.523	-	1.480.368.586	-
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	15.106.383.528	-	754.954.033	-
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng	1.267.024.399	-	242.359.933	-
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	-	-	5.303.015.973	-
- Công ty CP HPH Logistics	52.734.332	-	4.543.659.314	-
- Công ty CP Vận tải Container Đông Đô Cảng Hải Phòng	3.713.511.896	(3.713.511.896)	3.608.326.813	(3.608.326.813)
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	1.494.834.145	-	1.456.258.245	-
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	339.642.234	-	167.514.480	-
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	-	-	453.895.026	-
- Công ty CP Vinalines Đông Bắc	449.819.578	(449.819.578)	446.213.557	(446.213.557)
- Công ty CP Vận tải Container VIMC	13.357.440	-	170.167.500	-
- Công ty TNHH Cảng quốc tế TIL Cảng Hải Phòng	2.744.750.966	-	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>102.707.435.295</i>	<i>(23.089.370.105)</i>	<i>129.475.937.472</i>	<i>(23.062.877.852)</i>
- Ocean Network Express Pte, Ltd	7.611.003.218	-	15.303.393.420	-
- Maersk Line A/S	19.150.108.288	-	26.535.437.574	-
- Các khách hàng khác	75.946.323.789	(23.089.370.105)	87.637.106.478	(23.062.877.852)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	129.992.393.085	(27.252.701.579)	149.998.039.608	(27.117.418.222)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	344.494.295.166	-	307.286.575.417	-
- Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	1.886.400.000	-	1.572.000.000	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.786.019.110	-	4.058.253.897	-
- Tạm ứng	370.873.000	-	653.373.000	-
- Ký quỹ, ký cược (1)	44.220.575.000	-	43.405.000.000	-
- Phải thu tiền thuê đất trả hộ Hoàng Diệu	46.956.196.381	-	37.137.625.215	-
- Khấu hao và lãi vay đối với tài sản cầu số 4, số 5 bãi container Chùa Vẽ (2)	194.218.263.761	-	194.218.263.761	-
- Phải thu giá trị dịch vụ cung cấp chưa phát hành hóa đơn	8.823.780.947	-	8.410.979.907	-
- Phải thu người lao động nộp bổ sung thuế TNCN	35.331.460	-	111.647.925	-
- Phải thu về bồi thường tổn thất	7.540.318.852	-	3.123.729.174	-
- Phải thu vật tư cho mượn	4.153.090.909	-	4.153.090.909	-
- Phải thu ngắn hạn khác	33.503.445.746	-	10.442.611.629	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	344.494.295.166	-	307.286.575.417	-

(1) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 12 đến 13 tháng gửi tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất từ 5,5 đến 5,8%/năm, dùng để cầm cố, bảo lãnh cho các nghĩa vụ của Công ty tại các Ngân hàng này.

(2) Đây là khoản tiền đã nộp vào ngân sách Nhà nước đối với chi phí khấu hao và lãi vay trong giai đoạn từ năm 2014 đến 31/12/2018 của cầu cảng số 4, số 5 Bến cảng Chùa Vẽ. Số tiền này được nộp vào ngân sách theo yêu cầu của Bộ Tài chính tại văn bản số 3910/BTC-TTr ngày 03/04/2020.

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 36.1)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	73.746.428.032	-	87.126.612.659	-
Công cụ, dụng cụ	2.512.341.609	-	4.768.506.943	-
Hàng hóa	1.039.105.864	-	443.283.979	-
Cộng	77.297.875.505	-	92.338.403.581	-

11. NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán	31/12/2025						01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị	Dự phòng		
	VND	có thể thu hồi VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu	9.930.305.723	-	(9.930.305.723)	9.930.305.723	-	(9.930.305.723)		
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	6.628.866.818	-	(6.628.866.818)	6.628.866.818	-	(6.628.866.818)		
- Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô Cảng Hải Phòng	3.713.511.896	-	(3.713.511.896)	3.608.326.813	-	(3.608.326.813)		
- Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hải Châu	965.762.010	-	(965.762.010)	965.762.010	-	(965.762.010)		
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Vận tải Trọng Tín	915.035.424	-	(915.035.424)	915.035.424	-	(915.035.424)		
- Các đối tượng khác	5.377.511.474	-	(5.377.511.474)	5.206.504.258	33.779.324	(5.172.724.934)		
Cộng	27.530.993.345	-	(27.530.993.345)	27.254.801.046	33.779.324	(27.221.021.722)		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

12. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Dự án đầu tư xây dựng bến container số 3 và số 4 cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại cảng Lạch Huyện, Hải Phòng) (*)	1.183.973.593.202	3.154.812.152.209
- Các công trình khác	15.750.789.358	4.413.388.998
Cộng	1.199.724.382.560	3.159.225.541.207

(*) Thông tin Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3, số 4 Cảng cửa ngõ Quốc tế Hải Phòng (tại khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng;
- Mục đích xây dựng: Đáp ứng tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội của thành phố Hải Phòng;
- Địa điểm xây dựng: Khu bến Cảng Lạch Huyện thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Huyện Cát Hải, Thành phố Hải Phòng;
- Tổng mức đầu tư: 6.946 tỷ VND;
- Thời gian bắt đầu triển khai và thời gian dự kiến hoàn thành: từ năm 2020 đến năm 2025.
- Nguồn vốn đầu tư: Dự kiến vốn vay 55%, vốn chủ sở hữu 45%;
- Quy mô của dự án: Xây dựng 02 bến cho tàu đến 100.000DWT (gần 8.000 teus) với tổng chiều dài 750m, rộng 50m, Bến sà lan, dịch vụ với tổng chiều dài 250m (gồm cả 50m bề rộng của bến chính), rộng 15m cho cỡ tàu đến 3.000 DWT (gần 160 teus); Kè bảo vệ bờ; Hệ thống bãi chứa hàng, đường giao thông, các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật, thiết bị đồng bộ (đáp ứng sản lượng hàng hóa thông qua 1,0 - 1,1 triệu teus/năm) trên diện tích 47ha; Các thiết bị chính phục vụ khai thác: 06 cần trục STS trên bến chính; 24 RTG; 02 xe nâng RSD; 01 xe nâng rỗng; 50 đầu kéo + rơ-moóc; 01 cầu trục xưởng sửa chữa, 08 cần xe tại công cảng và phần mềm quản lý vận hành cảng TOS;

Đến thời điểm ngày 31/12/2025, dự án đã cơ bản hoàn thành các hạng mục chính, các hạng mục còn lại đang được hoàn thiện, đồng thời Công ty đang thực hiện các thủ tục phục vụ cho công tác nghiệm thu và bàn giao tài sản để đưa vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2025	1.730.552.041.313	79.269.433.627	3.096.967.554.398	86.029.308.756	4.992.818.338.094
- Mua trong năm	2.817.820.532	-	1.862.440.042.721	62.819.106.730	1.928.076.969.983
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2.487.349.519.935	855.870.000	58.333.333	31.111.111	2.488.294.834.379
- Tăng do thu hồi vốn đầu tư vào Công ty con	822.374.819	-	-	208.200.000	1.030.574.819
- Chuyển sang BĐS đầu tư	(2.777.074.580.908)	-	-	-	(2.777.074.580.908)
- Giảm khác	(6.836.209)	-	-	-	(6.836.209)
- Giảm tài sản do góp vốn	(288.644.041.831)	(35.733.903.044)	(1.022.554.445.434)	(34.450.914.495)	(1.381.383.304.804)
- Giảm do góp vốn đầu tư (trung ứng phần chuyển nợ) (*)	-	(1.188.000.000)	(1.097.846.814.491)	(31.525.717.398)	(1.130.560.531.889)
31/12/2025	1.155.816.297.651	43.203.400.583	2.839.064.670.527	83.111.094.704	4.121.195.463.465
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2025	(958.297.858.811)	(55.096.876.802)	(2.342.840.006.134)	(51.694.884.994)	(3.407.929.626.741)
- Khấu hao trong năm	(89.360.867.328)	(2.549.204.702)	(94.659.221.466)	(7.882.265.296)	(194.451.558.792)
- Tăng do thu hồi vốn đầu tư vào Công ty con	(822.374.819)	-	-	(14.875.998)	(837.250.817)
- Chuyển sang BĐS đầu tư	195.124.423.772	-	-	-	195.124.423.772
- Giảm do góp vốn đầu tư	235.763.877.296	24.615.450.177	240.143.808.394	6.493.197.458	507.016.333.325
31/12/2025	(617.592.799.890)	(33.030.631.327)	(2.197.355.419.206)	(53.098.828.830)	(2.901.077.679.253)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2025	772.254.182.502	24.172.556.825	754.127.548.264	34.334.423.762	1.584.888.711.353
31/12/2025	538.223.497.761	10.172.769.256	641.709.251.321	30.012.265.874	1.220.117.784.212

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 1.223.231.413.909 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 1.476.712.816.410 đồng)
- Năm 2014, Công ty đã tạm ghi nhận tăng tài sản cố định hữu hình (chi tiết khoản mục Nhà cửa, vật kiến trúc) đối với cầu cảng số 04, 05 và bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và gói thiết bị với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng (giá trị còn lại đến ngày 31/12/2025 là 137,98 tỷ đồng). Việc tạm tăng các tài sản cố định này được thực hiện theo văn bản số 1966/VPCP-KTN ngày 25/03/2014 của Văn phòng Chính phủ.
- Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng - Giai đoạn 2, do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam và vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản nên việc quản lý, khai thác các tài sản này đang còn một số vướng mắc.
- Từ năm 2024, Công ty tạm trích khấu hao đối với Cầu cảng số 04 và số 05 bến Cảng Chùa Vẽ theo Nghị quyết số 168/NQ-CHP ngày 27/12/2024 của Hội đồng quản trị Công ty, mức trích khấu hao/năm là 8.330.437.644 đồng/năm.

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 36.1)

(*) Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 19 và Thuyết minh số 36.

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2025	37.799.350.954	37.799.350.954
- Mua trong năm	40.435.743.001	40.435.743.001
- Giảm tài sản do góp vốn	(20.096.613.823)	(20.096.613.823)
- Giảm do góp vốn đầu tư (trương ứng phần chuyển nợ) (*)	(16.602.342.266)	(16.602.342.266)
31/12/2025	41.536.137.866	41.536.137.866
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
01/01/2025	(31.422.193.970)	(31.422.193.970)
- Khấu hao trong năm	(1.769.072.431)	(1.769.072.431)
- Giảm do góp vốn đầu tư	506.086.027	506.086.027
31/12/2025	(32.685.180.374)	(32.685.180.374)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2025	6.377.156.984	6.377.156.984
31/12/2025	8.850.957.492	8.850.957.492

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 26.635.572.627 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 25.496.996.738 đồng).

(*) Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 19 và Thuyết minh số 36.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	01/01/2025	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Bất động sản đầu tư cho thuê				
NGUYÊN GIÁ	-	2.777.074.580.908	-	2.777.074.580.908
- Cơ sở hạ tầng	-	2.777.074.580.908	-	2.777.074.580.908
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	-	(195.124.423.772)	-	(195.124.423.772)
- Cơ sở hạ tầng	-	(195.124.423.772)	-	(195.124.423.772)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	-	2.581.950.157.136	-	2.581.950.157.136
- Cơ sở hạ tầng	-	2.581.950.157.136	-	2.581.950.157.136

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê tại ngày 31/12/2025 là 21.307.063.148 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 0 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Ngắn hạn	330.679.560.102	330.679.560.102	834.922.544.499	834.922.544.499
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i>	<i>21.604.412.349</i>	<i>21.604.412.349</i>	<i>7.986.449.532</i>	<i>7.986.449.532</i>
- Công ty CP Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	6.466.939.296	6.466.939.296	5.793.055.612	5.793.055.612
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	101.360.270	101.360.270	725.728.306	725.728.306
- Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	50.320.425	50.320.425	385.284.549	385.284.549
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng	14.682.119.852	14.682.119.852	535.000.000	535.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	303.672.506	303.672.506	62.404.041	62.404.041
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP - Công ty Kho Bãi VIMC Hải Phòng	-	-	484.977.024	484.977.024
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>309.075.147.753</i>	<i>309.075.147.753</i>	<i>826.936.094.967</i>	<i>826.936.094.967</i>
- Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	95.733.944.544	95.733.944.544	233.385.090.260	233.385.090.260
- MITSUI E&S CO., LTD	85.756.776.012	85.756.776.012	534.268.317.506	534.268.317.506
- Các nhà cung cấp khác	127.584.427.197	127.584.427.197	59.282.687.201	59.282.687.201
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	330.679.560.102	330.679.560.102	834.922.544.499	834.922.544.499

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
		VND		VND
a) Ngắn hạn	3.186.142.398	3.186.142.398	14.247.375.611	14.247.375.611
- Công ty TNHH Hội An - Đại lý hãng Samudera Shipping	-	-	8.827.647.694	8.827.647.694
- Ocean Network Express Pte, Ltd	-	-	4.181.165.640	4.181.165.640
- Các khách hàng khác	3.186.142.398	3.186.142.398	1.238.562.277	1.238.562.277
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	3.186.142.398	3.186.142.398	14.247.375.611	14.247.375.611

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng	-	136.850.006.559	136.850.006.559	-
- Thuế nhà thầu	-	14.719.277.463	14.719.277.463	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.450.324.431	194.405.089.939	51.450.342.431	159.405.071.939
- Thuế thu nhập cá nhân	2.125.656.689	24.288.829.422	26.414.486.111	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	40.405.052.636	27.454.838.442	19.095.390.700	48.764.500.378
- Các loại thuế và phí khác	-	55.000.000	55.000.000	-
Cộng	58.981.033.756	397.773.041.825	248.584.503.264	208.169.572.317
	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	1.655.405.980	1.655.405.980
Cộng	-	-	1.655.405.980	1.655.405.980

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2025		Trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	24.562.190.653	24.562.190.653	26.757.400.170	25.719.008.816	23.523.799.299	23.523.799.299
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	24.562.190.653	24.562.190.653	26.757.400.170	25.719.008.816	23.523.799.299	23.523.799.299
- <i>Vay dài hạn ODA giai đoạn II đến hạn trả (1)</i>	24.562.190.653	24.562.190.653	26.757.400.170	25.719.008.816	23.523.799.299	23.523.799.299
b) Vay dài hạn	1.717.073.452.220	1.717.073.452.220	2.412.134.132.805	1.176.376.154.528	481.315.473.943	481.315.473.943
- <i>Vay dài hạn ODA giai đoạn II (1)</i>	76.798.608.887	76.798.608.887	4.532.374.347	25.719.008.816	97.985.243.356	97.985.243.356
- <i>Vay dài hạn ODA cầu số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ (2)</i>	342.110.245.728	342.110.245.728	-	-	342.110.245.728	342.110.245.728
- <i>Vay dài hạn ODA giai đoạn II bổ sung (2)</i>	41.219.984.859	41.219.984.859	-	-	41.219.984.859	41.219.984.859
- <i>Vay phục vụ xây dựng bến 3,4 Cảng Lạch Huyện (3)(*)</i>	1.256.944.612.746	1.256.944.612.746	2.407.601.758.458	1.150.657.145.712	-	-
Cộng	1.741.635.642.873	1.741.635.642.873	2.438.891.532.975	1.202.095.163.344	504.839.273.242	504.839.273.242

(1) Số dư vay theo hợp đồng vay số 02/2004/TDNN ngày 21/12/2004 ký giữa Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Hải Phòng và Cảng Hải Phòng (nay là Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng), mục đích vay đầu tư thiết bị đối với dự án “Cải tạo nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II”, không có tài sản đảm bảo, lãi suất 1,3%/năm, kỳ trả gốc và lãi cuối cùng vào ngày 20/08/2029.

Tại thời điểm 31/12/2025, số dư nợ vay gốc Yên Nhật là: 627.426.800,00 JPY (tương đương 101.360.799.540 VND); Nợ dài hạn đến hạn trả là: 156.856.700,00 JPY (tương đương 25.340.199.885 VND).

(2) Giá trị nhận nợ liên quan đến các tài sản là cầu cảng số 04, số 05 và bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và các khoản mục chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị được ghi nhận căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải (Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT và Biên bản về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần được ký giữa Tổ công tác Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và đại diện của Công ty vào ngày 10/10/2016, Công ty đã tạm thời điều chỉnh giá trị các tài sản, thiết bị nêu trên và ghi nhận giá trị khoản vay với tổng số tiền là 383,3 tỷ VNĐ (bao gồm 342,1 tỷ VNĐ là giá trị quyết toán của 02 cầu cảng, và 41,2 tỷ VNĐ là phần chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị thuộc dự án). Việc ghi nhận này đã được Công ty điều chỉnh hồi tố từ ngày 01/07/2014 (ngày Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần).

Đến thời điểm hiện tại, phương án vay và trả nợ vay (thời hạn vay, phương án trả nợ, lãi suất vay và các điều khoản đảm bảo), cũng như đồng tiền nhận nợ (Việt Nam Đồng hay Yên Nhật) chưa được các cơ quan quản lý Nhà nước phê duyệt tại thời điểm nhận nợ, vì thế, Công ty tạm ghi nhận các khoản vay này bằng Việt Nam Đồng và thực hiện trích trước chi phí lãi vay cho giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến thời điểm 31/12/2019 với lãi suất 9,5%/năm, cộng thêm chi phí cho vay lại là 0,2%/năm. Trong năm 2020, theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, Công ty đã tạm dừng trích chi phí lãi vay kể từ đầu năm 2020.

Tại văn bản số 8715/BTC-PLN ngày 23/07/2018 của Bộ Tài chính và Văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018 của Văn phòng Chính phủ, Phó Thủ tướng đã đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài chính về việc rà soát lại cơ sở ghi nhận giá trị đối với 02 cầu cảng và các nội dung khoản vay nêu trên và đồng ý chủ trương cho vay lại phần chi phí thiết bị tương tự cơ chế cho vay lại phần thiết bị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại văn bản số 1596/CP-QHQT ngày 25/10/2004. Cụ thể, lãi suất cho vay lại bằng Yên Nhật là 1,5%/năm. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Bộ Tài chính về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính (nếu cần thiết).

Ngày 11/11/2022, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 7642/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành yêu cầu Bộ GTVT chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng các phương án, thống nhất một phương án xử lý, quản lý khai thác cầu cảng số 4, số 5 thuộc bến cảng Chùa Vẽ, đảm bảo phù hợp với thực trạng tài sản, điều kiện quản lý khai thác cầu cảng và tuân thủ theo quy định của Pháp luật liên quan.

Bộ GTVT đã có văn bản số 10882/BGTVT-TC ngày 28/9/2023 gửi Bộ Tài chính tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (thay thế Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018), trong đó Bộ GTVT có đề xuất bổ sung nội dung trong điều khoản chuyển tiếp của Nghị định để trong trường hợp đề xuất được thông qua sẽ giải quyết được hình thức quản lý tài sản, tức là tài sản bến số 4,5 Cảng Chùa Vẽ được giao cho Cảng Hải Phòng quản lý, khai thác (không phải cho thuê). Ngày 24/12/2024, Văn phòng Chính phủ đã có thông báo số 569/TB-VPCP về việc kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại cuộc họp tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ về Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa. Theo đó, Phó Thủ tướng thống nhất về việc không quy định xử lý chuyển tiếp trong Nghị định đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hình thành từ nguồn vốn Nhà nước, đồng thời giao Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính khẩn trương báo cáo phương án xử lý.

- (3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2023/203183/HĐTD ngày 24/11/2023. Trong Thời Hạn Rút Vốn, tổng số dư Khoản Vay được rút và Bảo Lãnh/L/C được phát hành tối đa là: Ba nghìn tám trăm hai mươi tỷ ba trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm nghìn (3.820.347.800.000) đồng và không vượt quá năm mươi lăm (55) phần trăm tổng vốn đầu tư Dự Án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Thời hạn của các Khoản Vay theo Hợp Đồng này là một trăm tám mươi (180) tháng kể từ ngày tiếp theo Ngày Giải Ngân Đầu Tiên, trong đó thời gian ân hạn (nợ gốc) đối với các Khoản Vay là ba mươi sáu (36) tháng kể từ Ngày Giải Ngân Đầu Tiên (“Thời Gian Ân Hạn”) và thời hạn rút vốn là ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày ký Hợp Đồng này (“Thời Hạn Rút Vốn”). Lãi suất là lãi suất thả nổi, điều chỉnh sau (6) tháng/lần. Lãi vay trả hàng quý. Các Khoản Vay/Bảo Lãnh/L/C sẽ được sử dụng để tài trợ các chi phí hợp lý (bao gồm lãi vay trong thời gian đầu tư được tính trong tổng mức đầu tư của Dự Án) đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3 và số 4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng.

Khoản vay được đảm bảo bằng các hợp đồng đảm bảo sau:

- + Thửa đất có diện tích 436.460m² tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP Hải Phòng (nay là phường Hải An, TP Hải Phòng). Mục đích xây dựng Cảng Đình Vũ giai đoạn 2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB353850, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: CT00622 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 10/04/2012 cho Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng
 - + Thửa đất có diện tích 4.083,2m² tại số 8A Trần Phú phường Máy Tơ – Ngô Quyền – Hải Phòng (nay là Số 8A Trần Phú, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng). Mục đích xây dựng trụ sở làm việc theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI201410, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: T00279 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 04/10/2007 cho Cảng Hải Phòng
- (*) Căn cứ hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ nợ số 01/2025/25372905/HĐ ngày 26/04/2025 giữa ba bên, bao gồm Công ty CP Cảng Hải Phòng, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) và Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Cảng Hải Phòng (HTIT), Cảng Hải Phòng chuyển giao một phần nghĩa vụ nợ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2023/203183/HĐTD ngày 24/11/2023 giữa Cảng Hải Phòng và BIDV để thực hiện Phương án Hợp tác liên doanh để vận hành, khai thác Dự án bến container số 3 và số 4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng. Đến ngày 31/12/2025, nghĩa vụ nợ mà Cảng Hải Phòng đã chuyển giao cho HTIT là 1.150.657.145.712 đồng.

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	237.605.148.059	225.263.830.200
- Chi phí lãi vay (*)	233.709.422.793	225.176.796.200
- Các khoản khác	3.895.725.266	87.034.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	237.605.148.059	225.263.830.200

(*) Chi phí lãi vay của khoản vay ODA cho cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ và khoản vay gói thiết bị ODA giai đoạn 2 bổ sung. Tại ngày 31/12/2025, Công ty tạm dừng trích chi phí lãi vay ODA cho cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ, chi phí lãi vay phải trả tạm tính trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2019 là 182.515.816.097 VND.

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 36.1).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	84.644.984.345	107.464.502.225
- Kinh phí công đoàn	706.052.294	2.028.052.395
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	244.305.000	203.170.000
- Tiền ăn ca và phụ cấp độc hại	2.583.540.000	9.809.643.450
- Chi phí đền bù di dời Cảng Hoàng Diệu (*)	73.656.708.400	94.020.613.821
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.454.378.651	1.403.022.559
b) Dài hạn	-	-
Cộng	84.644.984.345	107.464.502.225

(*) Căn cứ các Quyết định, số 3983/QĐ-UBND và 3984/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND Quận Ngô Quyền về việc thu hồi đất; Quyết định số 3982/QĐ-UBND ngày 22/12/2023, 4274/QĐ-UBND ngày 28/12/2023, 347/QĐ-UBND ngày 15/3/2024 của UBND Quận Ngô Quyền về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng. Đến 31/12/2025, UBND Quận Ngô Quyền thực hiện chi trả cho Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng số tiền 331.269.792.422 đồng để Công ty đảm bảo thực hiện việc di dời cảng Hoàng Diệu, trong đó số tiền đền bù di dời tài sản là 94.435.813.821 đồng. Tại ngày 31/12/2025, số dư khoản chi phí đền bù di dời Cảng Hoàng Diệu là 73.656.708.400 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế VND	Tổng cộng VND
01/01/2024	3.269.600.000.000	1.153.754.634.684	567.146.147.859	4.990.500.782.543
- Lãi trong năm trước	-	-	642.427.050.347	642.427.050.347
- Phân phối lợi nhuận	-	366.555.708.253	(553.678.708.253)	(187.123.000.000)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	366.555.708.253	(366.555.708.253)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(56.339.000.000)	(56.339.000.000)
+ Chia cổ tức	-	-	(130.784.000.000)	(130.784.000.000)
31/12/2024	3.269.600.000.000	1.520.310.342.937	655.894.489.953	5.445.804.832.890
01/01/2025	3.269.600.000.000	1.520.310.342.937	655.894.489.953	5.445.804.832.890
- Lãi trong năm nay	-	-	979.629.760.627	979.629.760.627
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	299.032.301.097	(566.735.301.097)	(267.703.000.000)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	299.032.301.097	(299.032.301.097)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(71.527.000.000)	(71.527.000.000)
+ Chia cổ tức	-	-	(196.176.000.000)	(196.176.000.000)
31/12/2025	3.269.600.000.000	1.819.342.644.034	1.068.788.949.483	6.157.731.593.517

(*) Phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/04/2025 của Công ty CP Cảng Hải Phòng.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/04/2025 của Công ty CP Cảng Hải Phòng về phương án chia cổ tức năm 2024, Công ty CP Cảng Hải Phòng chia cổ tức 6% trên vốn điều lệ với tổng giá trị là 196.176.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

22.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Tỷ lệ (%)	31/12/2025 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2025 VND
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	92,56	3.026.413.770.000	92,56	3.026.413.770.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	7,44	243.186.230.000	7,44	243.186.230.000
Cộng	100,00	3.269.600.000.000	100,00	3.269.600.000.000

22.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CÒ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	196.176.000.000	130.784.000.000

22.4 CÒ PHIẾU

	31/12/2025 CP	01/01/2025 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	326.960.000	326.960.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	326.960.000	326.960.000
+ Cổ phiếu phổ thông	326.960.000	326.960.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	326.960.000	326.960.000
+ Cổ phiếu phổ thông	326.960.000	326.960.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

22.5 CÁC QUỸ

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.819.342.644.034	1.520.310.342.937

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài:

- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 8A đường Trần Phú, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng (nay là số 8A đường Trần Phú, phường Ngô Quyền, TP. Hải Phòng) để sử dụng làm văn phòng Công ty từ năm 1993 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 4.083,2 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Công ty được UBND thành phố Hải Phòng giao đất theo quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 22/10/2007 tại số 23 đường Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng (nay là số 23, đường Lương Khánh Thiện, phường Gia Viên, TP. Hải Phòng) để sử dụng với mục đích làm trụ sở Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng để phục vụ kiểm tra khám sức khỏe cho cán bộ nhân viên. Diện tích khu đất là 1.022 m². Thửa đất này không phải nộp tiền thuê đất hàng năm do phục vụ công ích.
- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 15 đường Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng (nay là 15 đường Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, TP. Hải Phòng) để sử dụng với mục đích làm kho bãi từ năm 1993 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 6.472,7 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Công ty được UBND thành phố Hải Phòng giao thửa đất tại lô 15, đường Lê Hồng Phong, phường Đằng Lâm, quận Hải An, TP. Hải Phòng (nay là lô 15, đường Lê Hồng Phong, phường Hải An, TP. Hải Phòng) theo Quyết định số 1226/QĐ-UBTP ngày 12/07/2010 để sử dụng với mục đích làm văn phòng. Diện tích khu đất là 777 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 5 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng (nay là số 5 Cù Chính Lan, phường Hồng Bàng, TP. Hải Phòng) để sử dụng trụ sở Công ty TNHH MTV Trường dạy nghề công nhân kỹ thuật Cảng Hải Phòng (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng) từ năm 1993 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 1.225,4 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại KCN Đình Vũ giai đoạn II, phường Đông Hải II, quận Hải An, TP. Hải Phòng (nay là KCN Đình Vũ, phường Đông Hải, TP. Hải Phòng) để sử dụng làm Chi nhánh Cảng Tân Vũ theo Giấy chứng nhận số: BB 538580 cấp ngày 10/4/2012. Diện tích khu đất thuê là 436.460 m². Khu đất trên nằm trong khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải và được ưu đãi tiền thuê đất.
- Khu đất tại KCN Đình Vũ giai đoạn III, phường Đông Hải II, quận Hải An, TP. Hải Phòng (nay là KCN Đình Vũ, phường Đông Hải, TP. Hải Phòng) với diện tích là 74.244,3 m². Theo thông báo số 220/TB-UBND ngày 25/06/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cảng Đình Vũ giai đoạn III, hiện nay Công ty đang trình Sở Tài nguyên và Môi trường hồ sơ để báo cáo UBND Thành phố Hải Phòng ra quyết định giao đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)

b) Ngoại tệ các loại:

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
Dollar Mỹ (USD)	2.702.478,93	519.023,13
Yên Nhật (JPY)	1.593,00	1.593,00

c) Nợ khó đòi đã xử lý:

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
Xử lý nợ theo các quyết định và nghị quyết HDQT	2.478.245.025	2.478.245.025

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.732.726.458.836	1.373.821.942.986
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.732.726.458.836	1.373.821.942.986
Cộng	1.732.726.458.836	1.373.821.942.986

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	915.746.440.261	857.976.308.145
Cộng	915.746.440.261	857.976.308.145

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	19.339.273.500	31.637.789.970
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	208.437.626.254	262.461.429.130
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	22.353.074.996
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	17.189.510.062	19.307.477.561
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	11.124.340.500
- Lãi bán hàng trả chậm (trả góp), chiết khấu thanh toán	137.716.200	-
Cộng	245.104.126.016	346.884.112.157

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí lãi vay	23.031.999.143	7.105.158.670
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	14.727.768.804	12.355.908.033
- Dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn	(2.166.233.634)	2.491.057.841
- Lỗ chênh lệch tỷ giá cuối năm	4.093.640.698	-
Cộng	39.687.175.011	21.952.124.544

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	98.786.967.883	65.740.598.068
- Chi phí đồ dùng văn phòng	584.508.500	1.049.859.016
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	5.167.118.838	4.666.361.781
- Chi phí dự phòng	309.971.623	477.263.998
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.193.712.858	5.090.465.071
- Chi phí bằng tiền khác	48.143.896.871	33.368.447.920
Cộng	159.186.176.573	110.392.995.854

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chênh lệch do đánh giá giá trị tài sản góp vốn	307.237.361.573	-
- Thanh lý, nhượng bán CCDC	25.016.389.965	-
- Thu nhập từ bồi thường	247.042.538	7.494.191.093
- Tiền điện nước cho thuê ngoài	4.348.078.724	1.323.828.341
- Các khoản khác	655.144.656	338.817.771
Cộng	337.504.017.456	9.156.837.205

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí vật tư xuất bán	25.016.389.965	-
- Các khoản chi phí khác	2.463.237.639	1.463.756.734
Cộng	27.479.627.604	1.463.756.734

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	120.876.825.741	139.572.930.155
- Chi phí nhân công	438.708.948.790	437.897.601.323
- Khấu hao tài sản cố định	196.171.430.055	155.100.246.754
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	142.848.004.705	93.412.469.522
- Chi phí dự phòng	309.971.623	477.263.998
- Chi phí bằng tiền khác	176.017.435.920	141.908.792.247
Cộng	1.074.932.616.834	968.369.303.999

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.173.235.182.859	738.077.707.071
Các khoản chi phí không được khấu trừ	7.289.314.416	7.999.136.461
- Điều chỉnh tăng phần trích trước lãi vay vốn ODA	3.998.338.536	3.998.338.536
- Thù lao HĐQT, BKS không kiêm nhiệm	2.160.000.000	1.370.000.000
- Chi phí không hợp lý khác	1.130.975.880	2.630.797.925
Các khoản thu nhập không chịu thuế	208.499.047.582	263.825.221.376
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.363.792.246
- Cổ tức lợi nhuận được chia	208.499.047.582	262.461.429.130
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	972.025.449.693	482.251.622.156
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	194.405.089.939	96.450.324.431
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	194.405.089.939	96.450.324.431

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

33.1. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại	79.165.586.980	75.167.248.445
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng (Chi phí lãi vay ODA cầu số 4, số 5, bãi container và gói thiết bị)	15.833.117.396	15.033.449.689

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI (TIẾP)

33.2. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(799.667.707)	(799.667.707)

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu thì trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

35. CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Góp vốn bằng tài sản	1.198.187.841.359	-
Chuyển giao nợ các khoản vay bằng hình thức chuyển giao tài sản	1.150.657.145.712	-

36. THÔNG TIN KHÁC

36.1 NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC

Cầu cảng số 04 và số 05 bến cảng Chùa vẽ là các hạng mục thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp cảng Hải Phòng giai đoạn II do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quyết định số 29/QĐ-TTg ngày 09/01/1999:

Chủ đầu tư: Bộ Giao thông Vận tải

Nguồn vốn đầu tư: vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ

- Ngày 25/03/2014, Thủ tướng Chính phủ có văn bản số 1966/TTg-KTN giao cho Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo, hướng dẫn Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng) thực hiện việc hạch toán tăng tài sản đối với giá trị của các cầu cảng số 4 và số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ (các Cầu cảng) theo quy định của pháp luật.
- Ngày 25/11/2015, Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Quyết định số 4196/QĐ - BGTVT về việc phê duyệt quyết toán hoàn thành đối với Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng - Giai đoạn II và yêu cầu Công ty hoàn thành thủ tục vay đối với giá trị quyết toán của hai công trình nêu trên là 342,1 tỷ VND.
- Bên cạnh đó, Bộ Giao thông vận tải cũng giao cho Công ty báo cáo Bộ Tài chính về việc vay lại giá trị phân chi phí khác được phân bổ cho gói thiết bị của dự án với số tiền là 55,3 tỷ VND.
- Tuy nhiên, Công ty đã có văn bản báo cáo Bộ Tài chính về giá trị 55,3 tỷ VND này đã bao gồm tiền lãi vay vốn cho gói thiết bị là 14,1 tỷ VND. Công ty đã trả số tiền lãi này và đã có xác nhận của Ngân hàng Phát triển - Chi nhánh Hải Phòng số 425/TB-NHPT.HPH.TD3 ngày 16/11/2010. Do đó, Công ty chỉ ghi nhận chi phí khác cho gói thiết bị là: 41,14 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

36. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.1 NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC (TIẾP)

- Theo đó, Công ty tạm ghi nhận giá trị của 02 cầu Cảng số 04, 05, bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ Cảng Hải Phòng và gói thiết bị với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt tại ngày 31/12/2025 là 279,7 tỷ VND và 133,81 tỷ VND căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ - BGTVT ngày 25/11/2015 của Bộ Giao thông Vận tải.
- Căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT ngày 25/11/2015 và Biên bản "Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần" được ký giữa Tổ công tác Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và đại diện của Công ty vào ngày 10/10/2016, Công ty đã tạm thời điều chỉnh giá trị các tài sản, thiết bị nêu trên và ghi nhận giá trị khoản vay với tổng số tiền là 383,3 tỷ VND (bao gồm 342,1 tỷ VND là giá trị quyết toán của 02 cầu cảng số 04, 05, bãi container cảng Chùa Vẽ và 41,2 tỷ VND là phần chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị thuộc dự án). Việc ghi nhận này đã được Công ty điều chỉnh hồi tố từ ngày 01/07/2014 (ngày Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần).

Các khoản phải thu, phải trả phát sinh từ dự án

- Theo các văn bản: Kết luận số 1134/KL-TTr ngày 06/12/2019 của Đoàn thanh tra Bộ Tài chính tại Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam; văn bản số 3910/BTC-TTr ngày 03/4/2020 của Bộ Tài chính về việc xử lý tạm nộp tiền khấu hao, trích trước lãi vay tài sản cầu cảng số 4, số 5 và bãi container Cảng Hải Phòng thì: Cảng Hải Phòng phải nộp đủ số tiền khấu hao và tạm trích trước chi phí lãi vay của tài sản cầu số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ từ thời điểm 01/7/2014 đến 31/12/2018 là 194.218.263.761 VND (trong đó tiền khấu hao là 44.887.141.500 VND và tạm trích trước chi phí lãi vay là 149.331.122.261 VND).
- Công ty đã tạm nộp các khoản trên vào ngân sách Nhà nước và hạch toán vào:
 - + Phải thu khác đối với giá trị khấu hao của các tài sản này trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 số tiền là: 44.887.141.500 VND.
 - + Giảm số trích trước chi phí phải trả đối với chi phí lãi vay tạm trích với tổng số tiền là: 149.331.122.261 VND.
 - + Theo thông báo số 1101/TB-KTNN ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Kiểm toán Nhà Nước cho báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty, theo đó Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định điều chỉnh hồi tố Báo cáo Tài chính năm 2021 theo đó tăng số trích trước chi phí phải trả đối với chi phí lãi vay tạm trích với tổng số tiền là: 149.331.122.261 VND và tăng Phải thu khác tương ứng.

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 9 – Phải thu khác)

Cơ chế quản lý vận hành dự án và phương án trả nợ

- Thực hiện các ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty Hàng Hải, Công ty đã lập và trình phương án vay, trả nợ cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ với thời hạn 5 năm từ 2016 đến 2020. Phương án này đã được Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty Hàng hải chấp thuận, chuyển Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt.
- Sau nhiều lần làm việc giữa các bên, ngày 23/7/2018, Bộ Tài chính đã có văn bản số 8715/BTC-QLN trình Thủ tướng Chính phủ về việc hạch toán tăng tài sản và phương án vay, trả cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ. Trong đó có kiến nghị rà soát các quy định của pháp luật trong việc cho Cảng Hải Phòng vay, trả nợ (chuyển giao tài sản công sang tài sản doanh nghiệp).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

36 THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.1 NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC (TIẾP)

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018, Bộ Giao thông Vận tải đã có văn bản số 638/TB-BGTVT ngày 05/12/2018 chỉ đạo Cảng Hải Phòng xây dựng phương án thuê khai thác cầu cảng 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ.
- Theo đó, Công ty đã xây dựng phương án thuê khai thác các tài sản này như sau:
 - + Thời điểm trước ngày 1/7/2014 (trước thời điểm cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng): cầu cảng số 04,05 và bãi container được giao cho Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng (doanh nghiệp nhà nước) quản lý khai thác.
 - + Thời điểm từ ngày 1/7/2014 đến 31/12/2019: Cho phép chỉ định Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng thuê quản lý, khai thác cầu cảng số 04,05 và bãi container. Giá cho thuê theo quyết định của Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính phê duyệt.
 - + Thời điểm từ ngày 01/01/2020 trở đi: Thực hiện theo quy định của Nghị định số 43/2018/NĐ-CP, thực hiện đấu giá cho thuê khai thác tài sản, kết cấu hạ tầng tại cầu cảng số 04,05 và bãi container do Nhà nước đầu tư.
- Ngày 20/02/2020, Bộ Giao thông Vận tải đã có thông báo số 56/TB-BGTVT thông báo kết luận về phương án quản lý, khai thác cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ. Hiện nay, Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông - Bộ Giao thông vận tải đang thực hiện các thủ tục báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Do đó, Công ty đã dừng trích khấu hao đối với các tài sản cố định thuộc dự án này và dừng ghi nhận lãi vay tương ứng để chờ quyết định chính thức của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.
- Ngày 28/10/2020, Bộ Giao thông vận tải đã có văn bản số 10855/BGTVT-KCHT gửi Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về việc báo cáo về hạch toán tăng tài sản và xây dựng phương án trả nợ vay, lãi vay đối với giá trị các cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng.
- Sau khi nhận được văn bản số 765/CV-CHP ngày 18/03/2022 của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, ngày 29/03/2022, Bộ Giao thông vận tải đã có công văn số 2982/BGTVT-KCHT thông báo về việc Bộ Giao thông vận tải đã có các văn bản số 6114/BGTVT-KCHT ngày 28/06/2021, văn bản số 2426/BGTVT-KCHT ngày 15/03/2022 gửi Văn phòng Chính phủ đề nghị sớm tham mưu báo cáo Chính phủ Thủ tướng Chính phủ xem xét chỉ đạo về phương án trả nợ cầu cảng số 04, số 05 Cảng Chùa Vẽ theo các nội dung báo cáo tại văn bản số 10855/BGTVT-KCHT ngày 28/10/2020. Sau khi được Chính phủ cho ý kiến, Bộ Giao thông vận tải sẽ phối hợp với các cơ quan tổ chức liên quan để triển khai thực hiện theo quy định.
- Ngày 11/11/2022, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 7642/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Lê Văn Thành yêu cầu Bộ Giao thông Vận tải chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng các phương án, thống nhất một phương án xử lý, quản lý khai thác cầu cảng số 4, số 5 thuộc bến cảng Chùa Vẽ, bảo đảm phù hợp thực trạng tài sản, điều kiện quản lý khai thác các cầu Cảng và tuân thủ theo quy định Pháp luật liên quan.
- Ngày 08/6/2023, Cảng Hải Phòng đã có văn bản số 1674/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải nội dung liên quan đến cầu cảng số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ, làm cơ sở để Bộ Giao thông vận tải làm việc, thống nhất phương án xử lý với Bộ Tài chính. Theo đó Cảng Hải Phòng đề xuất phương án tiếp tục giao Cảng Hải Phòng được quản lý, khai thác các cầu cảng số 4, số 5 bến cảng Chùa Vẽ theo nội dung tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

36 THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.1 NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC (TIẾP)

- Ngày 17/11/2023, Cảng Hải Phòng đã có văn bản số 3939/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải, nội dung chính cụ thể:
 - + Cảng Hải Phòng đã có những buổi làm việc, phân tích cơ sở, tính khả thi và báo cáo đề xuất các Vụ, Cục thuộc Bộ Giao thông Vận Tải, Bộ Tài chính xem xét thống nhất phương án tăng tài sản cầu số 4, 5 bến cảng Chùa Vẽ tại doanh nghiệp như đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013, đồng thời tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
 - + Phương án xử lý phần chi phí khác phân bổ cho gói thiết bị cũng chưa được Bộ Tài chính xem xét xử lý do phải thực hiện sau khi Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến chỉ đạo về phương án quản lý, khai thác cầu cảng số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ.
- Ngày 4/4/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 84/2025/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải. Theo đó, Bộ Xây dựng đã ban hành Văn bản số 12000/BXD-KHTC ngày 21/10/2025 đề nghị Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP (VIMC) nghiên cứu, rà soát các phương thức khai thác, xử lý tài sản cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ bảo đảm phù hợp với thực trạng tài sản, điều kiện quản lý, khai thác các cầu cảng và tuân thủ quy định pháp luật. Đồng thời, Bộ Xây dựng yêu cầu Ban Quản lý dự án cảng Hải Phòng nghiên cứu ý kiến của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại Văn bản số 3878/CHP-TCKT ngày 19/9/2025 về phân bổ chi phí cho gói thiết bị.
- Theo đó, VIMC đã chỉ đạo Người đại diện phần vốn của VIMC tại Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng nghiên cứu, rà soát xây dựng phương án khai thác, xử lý tài sản cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ. Trên cơ sở ý kiến của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, đánh giá ưu, nhược điểm của từng phương án, VIMC đã có Văn bản số 1753/HHVN-TCKT ngày 06/11/2025 báo cáo Bộ Xây dựng và Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam về các phương án quản lý khai thác tài sản bến số 4, số 5 Cảng Chùa Vẽ.
- Căn cứ nội dung buổi làm việc ngày 29/12/2025 giữa Bộ Xây dựng, VIMC và Cảng Hải Phòng, trên cơ sở đề xuất của Cảng Hải Phòng tại Văn bản số 5222/CHP-TCKT ngày 31/12/2025 về phương án xử lý tài sản bến số 4, bến số 5 Cảng Chùa Vẽ, VIMC đã có Văn bản số 16/HHVN-TCKT ngày 08/01/2026 cập nhật nội dung liên quan đến phương án xử lý tài sản bến số 4, bến số 5 Cảng Chùa Vẽ.
- Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, chưa có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước đối với hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bên Cảng Chùa Vẽ của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng. Căn cứ theo Điều 55 Luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 về việc văn bản pháp luật không được quy định hiệu lực trở về trước, việc ghi nhận chính thức tài sản và chi phí của cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ sẽ được thực hiện vào thời điểm cơ quan quản lý nhà nước quyết định hình thức quản lý đối với các tài sản này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

36. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan

- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ
- Công ty CP Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng
- Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng
- Công ty Vận tải biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam
- Công ty CP HPH Logistics
- Công ty CP Vận tải Container Đông Đô Cảng Hải Phòng
- Ban quản lý dự án chuyên ngành hàng hải VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP
- Công ty TNHH KM Cargo Services Hải Phòng

Mối quan hệ

- Công ty con
- Công ty con
- Công ty con
- Công ty con
- Công ty con
- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Cùng Công ty mẹ
- Công ty liên kết
- Công ty liên kết
- Cùng Công ty mẹ
- Công ty liên doanh, liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

36. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thù lao Hội đồng quản trị, tiền lương Ban Giám đốc và các thành viên chủ chốt khác

		Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thù lao Hội đồng quản trị		2.160.000.000	1.370.000.000
- Ông Phạm Hồng Minh	Chủ tịch HĐQT	-	-
- Ông Nguyễn Tường Anh	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	360.000.000	240.000.000
- Ông Lương Đình Minh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 15/04/2024)	-	70.000.000
- Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 15/04/2024)	-	70.000.000
- Ông Đinh Văn Thạch	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 15/04/2024)	-	70.000.000
- Ông Nguyễn Cảnh Bình	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 15/04/2024)	-	70.000.000
- Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên HĐQT	360.000.000	170.000.000
- Bà Trịnh Thị Ngọc Biển	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/04/2025)	120.000.000	170.000.000
- Ông Lê Đông	Thành viên HĐQT	360.000.000	170.000.000
- Ông Vũ Đức Biên	Thành viên HĐQT	360.000.000	170.000.000
- Ông Đỗ Vũ Linh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/04/2025)	120.000.000	170.000.000
- Ông Lý Quang Thái	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ 29/04/2025)	240.000.000	-
- Bà Lê Thị Ngọc Dung	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ 29/04/2025)	240.000.000	-
Thù lao Ban Kiểm soát		360.000.000	240.000.000
- Bà Trần Thị Thanh Hải	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-
- Ông Đồng Xuân Khanh	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 29/04/2025)	60.000.000	120.000.000
- Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên BKS (Bổ nhiệm từ 29/04/2025)	120.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên BKS	180.000.000	120.000.000
Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác		11.870.201.308	11.311.871.404
- Ông Phạm Hồng Minh	Chủ tịch HĐQT	2.550.239.492	2.038.895.011
- Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ 15/04/2024)	-	382.760.000
- Ông Nguyễn Tường Anh	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	2.464.409.255	1.998.532.751
- Ông Chu Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	1.848.140.275	1.450.459.390
- Ông Hà Vũ Hào	Phó Tổng Giám đốc	1.864.447.162	1.449.049.289
- Ông Ngô Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 10/01/2025)	27.650.561	1.453.679.482
- Bà Trần Thị Thanh Hải	Trưởng Ban Kiểm soát	1.424.157.608	1.235.333.393
- Bà Đào Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	1.691.156.955	1.303.162.088

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

36 THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch bên liên quan

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	314.392.173.867	112.740.627.797
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	12.963.344.267	47.199.626.893
- Công ty CP Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	5.775.349.314	4.545.616.809
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	43.414.350.882	2.122.521.940
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng	1.717.550.597	577.709.751
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	21.547.618.266	33.736.173.638
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	19.810.000	1.227.051.940
- Công ty CP VIMC Logistics	2.318.777.940	1.502.495.000
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	142.710.000	8.150.000
- Công ty CP HPH Logistics	8.984.032.229	9.790.701.865
- Công ty Vận tải biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	-	120.296.188
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật - Việt	201.605.000	153.925.000
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	7.281.675.386	2.868.839.158
- CN Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam - Dịch vụ hàng hải Phương Đông	12.707.479.753	3.781.304.711
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	20.040.000	-
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC Đình Vũ	3.305.501.175	1.857.852.400
- Công ty CP Vận tải Container VIMC	3.227.328.615	267.532.517
- CN Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Hải Phòng	11.279.735.159	1.547.606.987
- CN Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Quảng Ninh	113.730.000	1.431.133.000
- CN Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Đà Nẵng	-	2.090.000
- Công ty TNHH Cảng quốc tế TIL Cảng Hải Phòng	179.371.535.284	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

36. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch bên liên quan (tiếp)

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Mua dịch vụ	131.731.261.687	63.548.371.467
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	2.898.386.171	4.231.080.469
- Công ty CP Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	41.075.618.793	39.151.679.465
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	8.434.863.048	3.458.693.054
- Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	1.242.611.390	2.005.228.820
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng	68.983.426.854	975.504.000
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	-	2.982.451.000
- Công ty CP HPH Logistics	1.037.492.466	655.927.964
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	31.866.000	346.765.645
- CN Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP - Công ty Kho bãi VIMC Hải Phòng	2.546.208.733	3.093.569.760
- Công ty CP Đầu tư Cảng Cái Lân	-	728.220.000
- Ban QLDA chuyên ngành hàng hải VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	5.480.788.232	5.919.251.290
Cổ tức, lợi nhuận được chia	208.437.626.254	262.461.429.130
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	163.200.000.000	91.800.000.000
- Công ty CP Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	972.000.000	972.000.000
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	35.343.929.689	160.384.829.940
- Công ty TNHH KM Cargo Services Hải Phòng	5.011.200.000	4.384.800.000
- Công ty CP VIMC Logistics - Việt Nam	160.000.000	-
- Công ty CP HPH Logistics	1.855.360.000	1.623.440.000
- Công ty CP Logistics Cảng Sài Gòn	-	153.050.870
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng	1.886.400.000	3.143.308.320
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo Cảng Hải Phòng	8.736.565	-

36.3 NỢ TIỀM TÀNG

Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đang ghi nhận tại chi tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (mã số 221) trên Bảng cân đối kế toán riêng đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container cảng Chùa Vẽ với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng, giá trị còn lại là 133,81 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chi tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

36. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.3 NỢ TIỀM TÀNG (TIẾP)

Theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước một số khoản có liên quan đến dự án nêu trên, bao gồm: khấu hao của các tài sản thuộc cầu cảng 04, 05 và bãi container cảng Chùa Vẽ trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 là 44,8 tỷ đồng, chi phí lãi vay ODA Nhật Bản tạm trích trước là 149,3 tỷ đồng.

Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã dừng trích khấu hao, dừng ghi nhận chi phí lãi vay kể từ ngày 01/01/2020 đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ để chờ được phê duyệt phương án quản lý chính thức đối với các tài sản này. Ngày 8/6/2023, Công ty đã có văn bản số 1674/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải đề xuất phương án tiếp tục giao Cảng Hải Phòng được quản lý, khai thác các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ theo nội dung tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Sau đó, Bộ GTVT và Bộ Tài chính đã nghiên cứu phương án trình Chính phủ thông qua việc sửa đổi Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải để có thể giải quyết dứt điểm vướng mắc này.

Ngày 27/12/2024, Cảng Hải Phòng ra Nghị quyết số 168/NQ-CHP về việc tiếp tục trích khấu hao đối với các tài sản bến số 4, số 5 Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ. Theo đó, Cảng Hải Phòng tiến hành tính toán, điều chỉnh lại mức khấu hao/năm, thực hiện tiếp tục trích khấu hao từ thời điểm 01/01/2024 và thời điểm kết thúc khấu hao là tháng 4 năm 2043. Chi phí khấu hao hàng năm, tính từ năm 2024 là 8,3 tỷ đồng (so với chi phí khấu hao trích trong giai đoạn trước năm 2020 là 6,74 tỷ đồng/năm).

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, chưa có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước đối với hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ của Công ty. Khi cơ quan quản lý Nhà nước có quyết định chính thức về hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Chùa Vẽ của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, Công ty sẽ ghi nhận chi phí kể từ thời điểm cơ quan quản lý Nhà nước ra quyết định.

36.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng đã được kiểm toán.

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyền

Kế toán trưởng

Đào Thị Thu Hà

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tường Anh